TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HS-ST
Ngày 23-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Moong Công Hải

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Cụt Xuân Ninh. Nghề nghiệp: Hưu trí

Bà Lô Thị Huyền. Nghề nghiệp: Giáo viên

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lô Quốc Ất- Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Võ Trọng Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/HSST-QĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **V Ch Tr**, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 27 tháng 05 năm 2005 tại huyện T D, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản L P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn Ổn và con bà Vy Thị E; Vợ, Con; Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20 tháng 02 năm 2023 đến nay. Có mặt

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà V Th Th, sinh năm 1964.Trú tại: Bản L P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Công Thiết – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt

- *Bị hại*:

+ Anh L M H. Trú tại: Bản Đ, xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Lô Hoa Lý, sinh năm 1984.Trú tại: Bản Đ, xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có Mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+Anh L V C, sinh năm 2007. Trú tại: Bản L P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

+ Người đại diện hợp pháp của anh L V C: Bà V Th Th, sinh năm 1964.Trú tại: Bản L P, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Chị V Th H. Trú tại: Bản C M, xã L K, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng:

+ Anh L V Q, sinh năm 2007. Trú tại: Bản Noóng Mò., xã Xiêng My, huyện T D, tỉnh Nghệ An.Vắng mặt tại phiên tòa

+ Người đại diện hợp pháp của anh L V Q: Chị V Th L, sinh năm 1987. Trú tại: Bản N M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 14/12/2022, V Ch Tr đến phòng trọ của anh L M H, sinh năm 2005, (là bạn của Tr) trú tại bản Đ, xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An tại khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D, Nghệ An hỏi mượn xe để đi rút tiền. Anh H đồng ý cho Tr mượn chiếc xe máy nhãn hiệu WAYE INDONA, 50cc, màu xanh bạc, BKS: 37TA- 011.65 bên trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên L M H và dặn Tr phải trả xe trong ngày thì Tr đồng ý. Sau khi mượn xe, Tr mới biết không có tiền để rút nên Tr sử dụng xe của anh H để đi chơi.

Đến khoảng 11 giờ ngày 15/12/2023, Tr đi xe máy trên đến phòng trọ của L V C, sinh ngày 25/02/ 2007, trú tại bản L P, xã L K, huyện T D, Nghệ An (là anh họ của Tr) tại khối H N, thị trấn Th Gi, huyện T D, tỉnh Nghệ An để chơi. Tại đây, do thiếu tiền tiêu xài và thấy trong cốp xe máy của anh H có giấy chứng nhận đăng ký xe nên Tr nảy sinh ý mang chiếc xe máy của anh H đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Tr rủ C cùng đi về ông bà nội của Tr ở bản L P, xã L K, huyện T D, Nghệ An (cũng là ông bà ngoại của C), trên đường đi Tr nói C đưa chiếc xe máy đi cầm cố, C đồng ý và dặn C nếu chủ quán có hỏi thì C nhận tên là L M H để khớp với đăng ký xe. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Tr cùng L V C mang chiếc xe máy trên đi đến cửa hàng cầm đồ "Hảo H" tại Bản C M, xã L K, huyện T D, Nghệ An cầm cố lấy số tiền 2.300.000đ. Quá trình cầm cố, L V C đưa giấy chứng nhận đăng ký xe cho chị H rồi nhận mình tên L M H, trú tại xã L M là chủ xe máy và cần cầm cố xe trong thời hạn 01 tháng để lấy tiền đi xuống TP Vinh làm việc, hai bên không viết giấy tờ gì và chị H không nói gì về lãi suất mà thu trước tiền lãi là 300.000đ. Cầm cố xe xong, C đưa cho Tr số tiền 2.000.000đ rồi cả hai bắt xe khách ra về, số tiền này Tr dùng tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 15/12/2022, anh H không thấy Tr đưa xe về trả và đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Tr trả xe thì Tr lấy các lý do khác nhau như xe đang bị hư hỏng đem đi sửa chưa có tiền lấy về để không trả lại xe cho anh H. Đến ngày

24/12/2022, V Ch Tr thừa nhận với anh H là Tr đã cùng anh L V C mang chiếc xe đi cầm cố tại cửa hàng cầm đồ "Hảo H" tại Bản C M, xã L K, huyện T D. Anh H tiếp tục yêu cầu Tr lấy xe về trả lại nhưng V Ch Tr không thực hiện. sau đó V Ch Tr bỏ trốn khỏi địa pH. Ngày 27/12/2022, anh L M H đã làm đơn trình báo cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D để giải quyết. Đến ngày 20/02/2023, V Ch Tr bị cơ quan CSĐT Công an huyện T D bắt giữ.

Ngày 27/12/2022, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D đã tiến hành thu giữ của chị V Th H 01 xe máy nhãn hiệu WAYEINDONA, số loại: RS50A, màu xanh bạc, biển kiểm soát: 37TA-011.65, số khung: RNA1P39FMB3V00405, số máy: RL9BCBHUMMBG0040500405, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 37001768 mang tên L M H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 84/KLĐG ngày 30/12/2022 của Hội đồng định giá Tố tụng hình sự UBND huyện T D kết luận:

01 (một) xe máy nhãn hiệu WAYEINDONA, số loại: RS50A, màu xanh bạc, biển kiểm soát: 37TA 011.65, số khung: RNA1P39FMB3V00405, số máy:RL9BCBHUMMBG0040500405, đã qua sử dụng có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.500.000đ *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).*

Bản Cáo trạng số 44/CT-VKS-TD ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T D đã truy tố V Ch Tr về tội: *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo V Ch Tr từ 03 tháng 03 ngày tù đến 06 tháng tù về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị V Th H đã được gia đình V Ch Tr bối thường số tiền 2.000.000đ và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo: Đề xuất áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức án mức thấp nhất như lời đề nghị của Kiểm sát viên, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì tranh luận bổ sung. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để nhanh chóng trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo V Ch Tr đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đã được công bố công khai tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 ngày 14/12/2022, tại phòng trọ của anh L M H ở khối Hòa Nam, thị trấn Thạch Giám, huyện T D, tỉnh Nghệ An, V Ch Tr đã mượn chiếc xe máy nhãn hiệu WAYEINDONA, số loại RS50A, màu xanh bạc mang BKS: 37TA-011.65. Sau khi mượn được xe, ngày 15/12/2022, Tr đã rủ L V C, sinh năm 2007 đưa chiếc xe máy đi cầm cố tại cửa hàng cầm đồ H Hảo của chị V Th H với số tiền 2.300.000 đồng để tiêu xài cá nhân nhưng không được sự đồng ý của anh H, sau đó Tr bỏ trốn khỏi địa pH. Chiếc xe máy có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 6.500.000 đồng. Hành vi bị cáo đã thực hiện, trị giá tài sản bị chiếm đoạt đã cấu thành tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Như vậy quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T D đối với bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo V Ch Tr đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa pH. Bản thân bị cáo còn trẻ, có đủ sức khỏe nhưng không chịu lao động chân chính mà lại thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện tính tham lam, tư lợi và xem thường pháp luật. Vì vậy cần lên mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình gây ra, phạm tội lần đầu thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự được quy định tại điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta mà cải tạo mình thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự lượng hình ở mức thấp nhất như lời đề nghị của Kiểm sát viên là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Đối với chị V Th H, người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô cho Tr và C nhưng khi nhận cắm xe chị H không biết chiếc xe đó Tr mượn của anh L M H nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[7] Đối với L V C người đã được V Ch Tr nhờ cắm xe máy hộ quá trình điều tra xác định tại thời điểm đi cắm xe máy C mới chỉ 15 tuổi 09 tháng 20 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên cơ quan điều tra không đề nghị xử lý. Mà giao cho chính quyền địa pH phối hợp cùng gia đình giáo dục quản lý đối với C.

[8] Xử lý vật chứng: 01 xe máy nhãn hiệu WAYEINDONA, số loại: RS50A, màu xanh bạc, biển kiểm soát: 37TA-011.65, số khung: RNA1P39FMB3V00405, số máy: RL9BCBHUMMBG0040500405, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 37001768 mang tên L M H của xe máy nhãn hiệu Wayeindona, BKS: 37T- 01165, Cơ quan CSĐT Công an huyện T D đã trả lại chiếc xe máy và giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh L M H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b, s, i khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: V Ch Tr 03 (*Ba*) tháng 03 (*Ba*) ngày tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2023.

[2] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo V Ch Tr.

[3] Quyền kháng cáo**:** Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị cáo, Người bào chữa, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 23/5/2023. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKSND huyện T D;
- Công an huyện T D;
- UBND xã L K,
- Bị cáo, Trại tạm giam;
- Bị hại, Người CQLNVLQ;
- Người đại diện hợp pháp;
- Sở Tư Pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện T D;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Moong Công Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Vi Văn Dương **Lữ Văn Thành** **Hoàng Văn C**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 12 tháng 8 năm 2023.

Tại: Phòng nghị án – Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn C

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Quang và bà Nguyễn Thị Thu Lê.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sở thẩm thụ lý số 51/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 đối với:

Bị cáo V Ch Tr, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1982, tại huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 299, 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc Tr hợp tạm đình chỉ, không thuộc Tr hợp trả hồ sơ điều tra bổ sung;

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập đã bảo đảm tính pháp lý, đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác không cung cấp thêm chứng cứ mới và có lời khai trung thực, không gian dối.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Bị cáo không thuộc Tr hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo; Hội đồng xét xử có quyết định như sau:

- Tội danh: Căn cứ vào điểm c,q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự tuyên bố V Ch Tr phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Điều luật áp dụng: Điểm b,q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Xử phạt: V Ch Tr .....tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2023.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Các vấn đề khác :

- Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu từ bị cáo V Ch Tr số tiền 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách nhà nước.

Tiêu hủy vật chứng còn lại của vụ án (Đặc điểm và tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận ngày 22.7.2023 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T D, tỉnh Nghệ An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An);

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo V Ch Tr.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 12/8/2023.

Tạm giam bị cáo sau khi tuyên án: Áp dụng Điều 109,113,119 và 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

7. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 12 tháng 8 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Quang **Nguyễn Thị Thu Lê** **Hoàng Văn C**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ...../2023/HSST-QĐTG

T D, ngày 09 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn C

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Quang và bà Nguyễn Thị Thu Lê

Căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Tạm giam bị cáo: **V Ch Tr**, tên gọi khác: Không có;

Sinh ngày 07 tháng 8 năm 1976 tại huyện T D, tỉnh Nghệ An;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản Yên Tân, xã Yên Hòa, huyện T D, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: Không biết chữ

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt: ..... năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Theo điểm c,q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Thời hạn tạm giam 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 8 năm 2023).

Điều 2.

Cơ sở tạm giữ Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- VKSND H.T D;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn C